

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	34,600 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.3%	3.7%	5.9%

Hệ số nguy cơ phá sản	21.52
Z - score (sản xuất)	(Aaa)
2024	An toàn

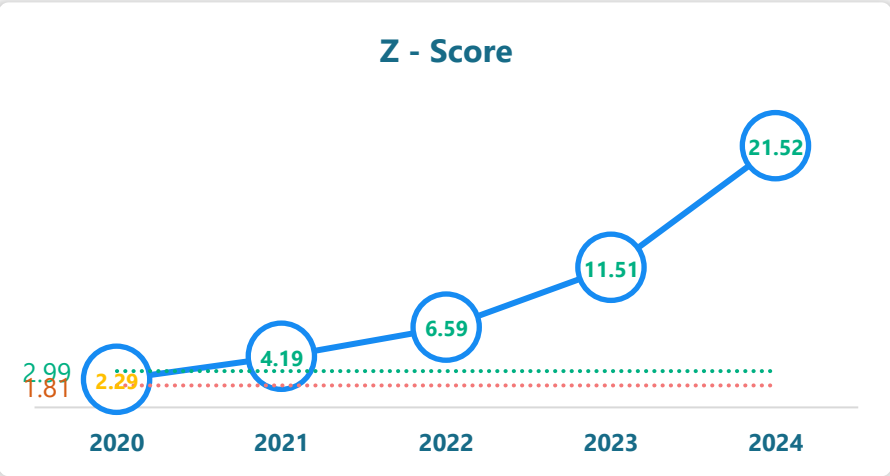
Hệ số nguy cơ phá sản	37.92
Z'' - score (phi sản xuất)	(Aaa)
2024	An toàn

DT thuần	2024	YoY
	628	▼ 33.0
	tỷ VNĐ	▼ 5.0%

LN sau thuế	2024	YoY
	296	▲ 21.0
	tỷ VNĐ	▲ 7.5%

ROE	2024	+/- YoY
	22.0%	▲ 2.3%

ROA	2024	+/- YoY
	19.8%	▲ 3.2%



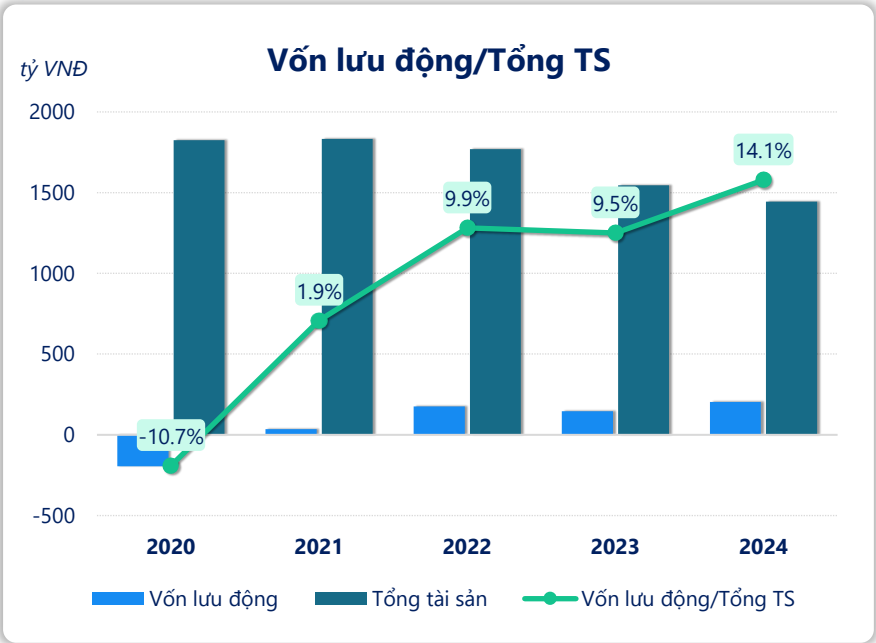
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **SHP** năm **2024** đạt **21.52**, **cao hơn** so với năm 2023 (11.51). **Z-Score > 2.99**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với **Z''-Score là 37.92 > 2.6**, cho thấy **SHP** đang trong tình trạng tài chính rất tốt và có khả năng cao để duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định và hiệu quả trong tương lai.

Năm **2024**, **SHP** ghi nhận doanh thu thuần **627.8** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **295.9** tỷ đồng, lần lượt **giảm 5.04%** và **tăng 7.50%** so với năm trước.

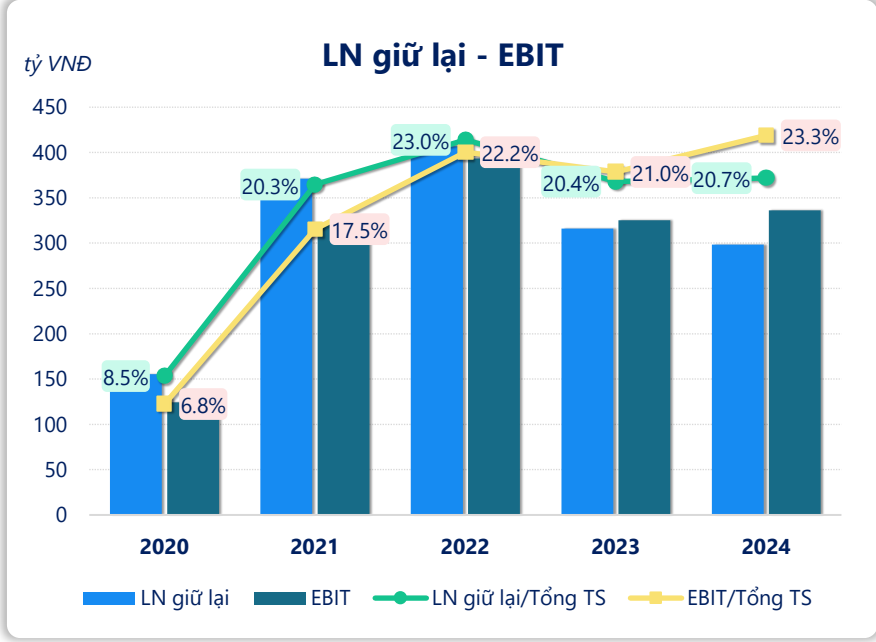
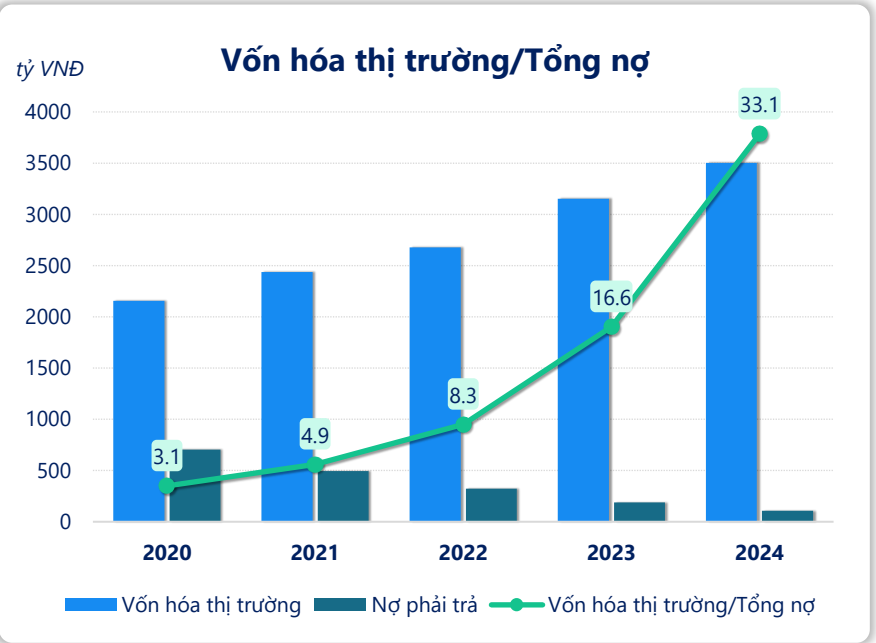
Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **22.0%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

CTCP Thủy Điện Miền Nam (HSX: SHP)

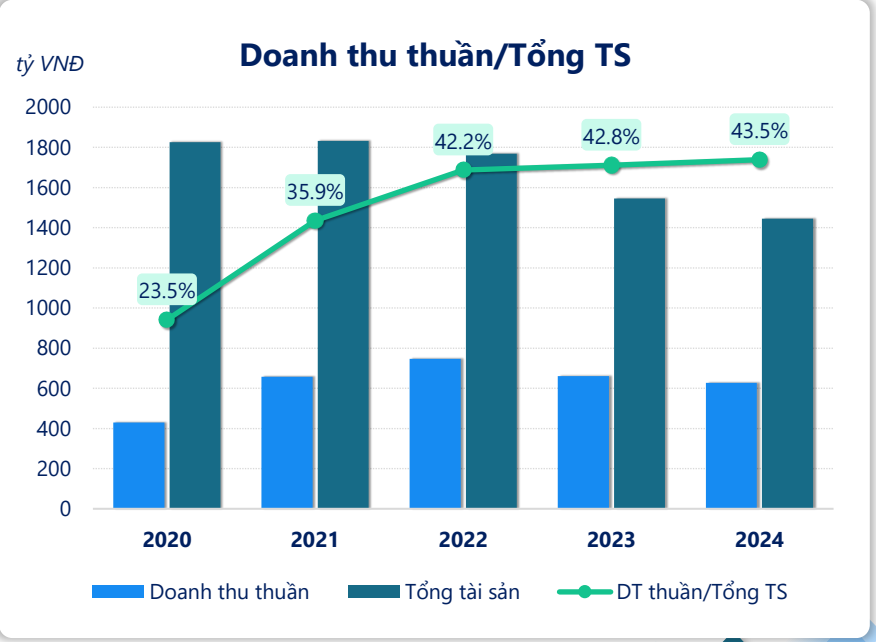


Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Vốn hóa thị trường/ tổng nợ = 33.11, cho thấy công ty có khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua nợ phải trả. Sự tăng tương tỷ lệ này cũng phản ánh sự tin tưởng của thị trường và nhà đầu tư vào triển vọng tương lai của công ty.



Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,444	1,546	-6.6%
Tài sản ngắn hạn	320	308	4.1%
Tiền và tương đương tiền	49.0	58.9	-16.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	0	
Phải thu ngắn hạn	242	242	0.1%
Hàng tồn kho	5.80	6.11	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.72	0.17	328%
Tài sản dài hạn	1,124	1,238	-9.2%
Phải thu dài hạn	0.70	0.01	13938%
Tài sản cố định	1,112	1,230	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.57	4.92	-68.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.3	3.67	180%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	189	-44.2%
Nợ ngắn hạn	106	160	-34.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.0	90.0	-67.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.07	4.12	-25.6%
Nợ dài hạn	0	29.0	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	29.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,339	1,356	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,339	1,356	-1.3%
Vốn điều lệ	1,012	1,012	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	429	658	746	661	628
Giá vốn hàng bán	288	308	319	313	263
Lợi nhuận gộp	142	350	427	348	365
Doanh thu HĐTC	3.23	0.20	4.45	4.90	2.49
Chi phí TC	57.3	41.9	26.5	19.1	7.16
Chi phí lãi vay	57.3	41.9	26.5	19.1	7.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	21.0	29.6	33.9	28.2	30.9
LN thuần từ HĐKD	66.4	279	371	306	329
Lợi nhuận khác	0.39	0.26	-3.87	0.19	0.07
LN trước thuế	66.8	279	367	306	329
Lợi nhuận sau thuế	63.4	265	321	275	296
LNST của CĐ cty mẹ	63.4	265	321	275	296

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	234	421	477	282	403
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.78	-0.96	-32.4	29.1	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-315	-282	-378	-471	-392
Tiền đầu kỳ	92.6	14.1	153	219	58.9
Lưu chuyển tiền thuần	-78.5	138	66.5	-160	-9.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.1	153	219	58.9	49.0